

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 356 /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật
giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Thực hiện Quyết định số 916/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tăng cường thực thi hiệu quả Công ước về quyền của người khuyết tật và các khuyến nghị phù hợp của Ủy ban về quyền của người khuyết tật; Quyết định số 2559/QĐ-BYT ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2026-2030; xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 3029/TTr-SYT ngày 10 tháng 9 năm 2026, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; trọng tâm là tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giai đoạn 2026-2030 phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

b) Tăng cường thực thi hiệu quả Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật và các khuyến nghị phù hợp của Ủy ban về quyền của người khuyết tật theo Quyết định số 916/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người khuyết tật; tạo điều kiện để người khuyết tật tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội, phát huy khả năng, sống độc lập và hòa nhập cộng đồng.

d) Phân công cụ thể trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương; tăng cường phối hợp liên ngành và huy động các nguồn lực xã hội trong thực hiện công tác trợ giúp người khuyết tật.

2. Yêu cầu

a) Tổ chức thực hiện Kế hoạch bảo đảm phù hợp với quan điểm, quy định của pháp luật về công tác người khuyết tật; lồng ghép hiệu quả với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội đang triển khai trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao để chủ động bố trí nguồn lực, xây dựng kế hoạch chi tiết và triển khai bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ.

c) Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và kịp thời giữa các sở, ban, ngành và địa phương; gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

d) Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức của người khuyết tật, doanh nghiệp và cộng đồng.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Mục tiêu chung

a) Thúc đẩy thực hiện đầy đủ quyền của người khuyết tật; cải thiện chất lượng cuộc sống; bảo đảm người khuyết tật được tiếp cận bình đẳng các dịch vụ y tế, giáo dục, đào tạo nghề, việc làm, giao thông, công trình xây dựng, thông tin, trợ giúp pháp lý, văn hóa, thể thao và các dịch vụ xã hội; tạo môi trường thuận lợi để người khuyết tật sống độc lập, hòa nhập cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

b) Tăng cường các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, cơ quan đơn vị, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân trợ giúp người khuyết tật.

2. Các chỉ tiêu trọng tâm đến 2030

a) Về trợ giúp y tế và chăm sóc sức khỏe.

- Hằng năm, khoảng 90% người khuyết tật được tiếp cận các dịch vụ y tế dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Ít nhất 80% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc, phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật.

- Khoảng 1.000 trẻ em và người khuyết tật được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp.

b) Về giáo dục và giáo dục nghề nghiệp:

- 90% trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục.

- 1.000 người khuyết tật có nhu cầu và đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo nghề.

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên biệt đào tạo nghề cho người khuyết tật.

c) Về việc làm và sinh kế

Bảo đảm hơn 50% người khuyết tật có nhu cầu và đủ điều kiện được hướng dẫn, hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi theo quy định từ Ngân hàng Chính sách xã hội để tự tạo việc làm, khởi nghiệp hoặc phát triển sản xuất.

d) Về tiếp cận công trình công cộng và giao thông

- 100% các công trình xây dựng mới bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật và 30% công trình cũ hiện hữu được cải tạo, nâng cấp các hạng mục tiếp cận, bao gồm: trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; nhà ga, bến xe, bến tàu; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; công trình văn hóa, thể dục, thể thao và nhà chung cư.

- 50% người khuyết tật có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện giao thông bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận hoặc các dịch vụ trợ giúp tương đương.

- 100% người khuyết tật tham gia giao thông công cộng được miễn, giảm giá vé theo quy định, riêng đối với các tuyến vận tải đường bộ liên tỉnh hỗ trợ mức miễn, giảm tối thiểu là 60%.

đ) Về tiếp cận thông tin, công nghệ và pháp lý

Tỷ lệ người khuyết tật được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông đạt tối thiểu bằng 1/3 tỷ lệ chung trên phạm vi cả nước.

- 100% người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý được cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định khi có yêu cầu.

e) Về văn hóa, thể thao và tổ chức hội

- Ít nhất 70% xã, phường, đặc khu có Câu lạc bộ thể dục thể thao người khuyết tật, thu hút 15% người khuyết tật tham gia tập luyện thể dục, thể thao.

- Hỗ trợ ít nhất 20% người khuyết tật được tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật.

- 50% thư viện công cộng cấp tỉnh tổ chức được không gian đọc, bảo đảm tiện ích thư viện chuyên dụng cho người khuyết tật (đặc biệt là người khiếm thị và người khuyết tật chữ in theo Hiệp ước Marrakesh).

- 60% phụ nữ khuyết tật được trợ giúp dưới các hình thức khác nhau.

- 60% xã, phường, đặc khu có tổ chức của người khuyết tật.

g) Về năng lực cán bộ làm công tác hỗ trợ người khuyết tật, gia đình và người khuyết tật

- 70% cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật.

- 40% hộ gia đình có người khuyết tật được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

- 40% người khuyết tật được hỗ trợ tập huấn các kỹ năng sống cơ bản.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

1. Đối tượng: Người khuyết tật, ưu tiên người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn; trẻ em khuyết tật; phụ nữ khuyết tật; hộ gia đình có người khuyết tật; các tổ chức của người khuyết tật, tổ chức vì người khuyết tật và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Phạm vi: Kế hoạch được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn 2026-2030.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Truyền thông, nâng cao nhận thức

a) Đa dạng hóa các hình thức truyền thông tạo chuyển biến sâu sắc, thống nhất trong nhận thức của xã hội về công tác bảo vệ, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật chuyển từ “y tế - chăm sóc” sang tiếp cận “xã hội - hòa nhập”, hướng đến việc loại bỏ định kiến, giảm bất bình đẳng, mở rộng cơ hội và trao quyền cho người khuyết tật, đóng góp bình đẳng vào sự phát triển của xã hội.

b) Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí lồng ghép tuyên truyền hiệu quả các quan điểm, mục tiêu tại Quyết định số 1190/QĐ-TTg, các nội dung của Công ước CRPD và Kế hoạch tăng cường thực thi hiệu quả Công ước CRPD theo Quyết định số 916/QĐ-TTg ngày 21/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Thiết kế nội dung và phương pháp tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể. Đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm truyền thông sử dụng ngôn ngữ ký hiệu, phụ đề, chữ nổi Braille hoặc các định dạng kỹ thuật số dễ truy cập, dễ đọc, dễ hiểu nhằm đảm bảo mọi dạng khuyết tật đều tiếp cận được thông tin.

d) Tuyên truyền, khuyến khích khơi dậy phong trào tham gia bảo vệ, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật; kịp thời khen thưởng, tôn vinh và nhân rộng các mô hình, cá nhân hoạt động hiệu quả, tiêu biểu ở các địa phương.

2. Trợ giúp y tế, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng

a) Tổ chức tập huấn về xác định mức độ khuyết tật, giám định khuyết tật, phục hồi chức năng và các chính sách bảo hiểm y tế cho người khuyết tật.

b) Thực hiện các dịch vụ phát hiện sớm những khiếm khuyết ở trẻ trước khi sinh và trẻ sơ sinh; tuyên truyền, tư vấn và cung cấp dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản.

c) Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ tầm soát, phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật, phục hồi chức năng và phẫu thuật chỉnh hình, cung cấp dụng cụ trợ giúp cho người khuyết tật.

d) Nâng cao chất lượng dịch vụ của chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; hướng dẫn kỹ năng phục hồi chức năng tại nhà cho gia đình và người chăm sóc người khuyết tật; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc lập hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử tập trung cho người khuyết tật tại các trạm y tế xã, phường, đặc khu để theo dõi và hỗ trợ kịp thời.

3. Trợ giúp giáo dục

a) Bảo đảm giáo dục bắt buộc ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, phổ cập giáo dục trung học và tương đương đối với người khuyết tật và thúc đẩy thực hiện chính sách ưu đãi đối với giáo viên, nhân viên tham gia giáo dục trẻ khuyết tật.

b) Nghiên cứu, xây dựng, phát triển chương trình học tập, học liệu giáo dục hỗ trợ cấp học mầm non và phổ thông đáp ứng nhu cầu đa dạng của người khuyết tật.

c) Tiếp tục triển khai đưa nội dung giáo dục hòa nhập và giáo dục đối với người khuyết tật vào các chương trình đào tạo giáo viên đối với các trường đại học, cao đẳng có đào tạo ngành sư phạm.

d) Tổ chức tập huấn cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật cấp học mầm non và phổ thông về nghiệp vụ giáo dục đối với người khuyết tật.

đ) Phát triển các mô hình giáo dục đối với người khuyết tật, hệ thống các cơ sở giáo dục đối với người khuyết tật hoạt động có hiệu quả từ trung ương đến địa phương phù hợp với nhu cầu đa dạng của người khuyết tật: phát hiện sớm, can thiệp giáo dục sớm, giáo dục đối với người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục, giáo dục người khuyết tật tại gia đình và cộng đồng, giáo dục từ xa.

e) Rà soát, cập nhật, quản lý dữ liệu về nhu cầu giáo dục của người khuyết tật vào phần mềm quản lý hệ thống hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

4. Giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế

a) Tổ chức đào tạo nghề, tạo việc làm đối với người khuyết tật; thống kê, đánh giá các cơ sở đào tạo nghề đối với người khuyết tật và nhu cầu học nghề của người khuyết tật.

b) Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo nghề đối với người khuyết tật linh hoạt về thời gian, địa điểm, tiến độ đào tạo phù hợp với nghề đào tạo, hình thức đào tạo thông qua các cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp hoặc các tổ chức của người khuyết tật; các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có sử dụng lao động là người khuyết tật hoặc của người khuyết tật.

c) Nhân rộng các mô hình hỗ trợ sinh kế, mô hình hỗ trợ người khuyết tật khởi nghiệp, mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm đối với người khuyết tật hiệu quả; phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác có người khuyết tật tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm.

d) Ưu tiên bố trí và giải ngân nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội từ Ngân hàng Chính sách xã hội cho thanh niên khuyết tật khởi nghiệp, phụ nữ khuyết tật, người khuyết tật và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

5. Phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai

a) Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật, người khuyết tật và tổ chức của người khuyết tật trong phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai.

b) Nghiên cứu, đánh giá nhân rộng mô hình lồng ghép người khuyết tật trong phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai, bảo đảm khả năng tiếp cận đối với người khuyết tật.

c) Ứng dụng công nghệ, thiết bị chuyên dụng giúp người khuyết tật nhận thông tin cảnh báo sớm để ứng phó với dịch bệnh và thiên tai, bảo đảm khả năng tiếp cận thông tin của người khuyết tật trong các tình huống khẩn cấp (thiên tai, dịch bệnh); khuyến khích ứng dụng các giải pháp công nghệ phù hợp với từng dạng khuyết tật để tiếp nhận cảnh báo sớm.

6. Trợ giúp tiếp cận công trình xây dựng

a) Đẩy mạnh các biện pháp thực thi Bộ Quy chuẩn Việt Nam 10:2024/BXD về xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng trong các công tác thẩm tra, thẩm định, nghiệm thu, thanh tra, kiểm tra trong hoạt động xây dựng.

b) Đảm bảo tiếp cận sử dụng các công trình công cộng và nhà chung cư; xây dựng tài liệu hướng dẫn bảo đảm người khuyết tật tiếp cận các công trình xây dựng hiện hữu.

c) Nghiên cứu thúc đẩy các giải pháp trợ giúp tiếp cận các công trình xây dựng; xây dựng các tài liệu minh họa, hướng dẫn thực hiện, giáo trình giảng dạy về thiết kế tiếp cận các công trình xây dựng trong công tác đào tạo, tập huấn và nâng cao nhận thức của cộng đồng.

7. Trợ giúp tiếp cận và tham gia giao thông

a) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành bộ tiêu chí giao thông tiếp cận phổ quát đối với hệ thống giao thông.

b) Tiếp cận đối với hệ thống giao thông để hướng dẫn các địa phương áp dụng trong quá trình phát triển hệ thống giao thông.

c) Tăng cường năng lực hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về giao thông tiếp cận để người khuyết tật có thể tiếp cận, sử dụng.

d) Xây dựng các tuyến mẫu và nhân rộng các xe vận tải hành khách công cộng để người khuyết tật tham gia giao thông.

đ) Khảo sát, đánh giá thực trạng đảm bảo tiếp cận của hệ thống giao thông công cộng và nhu cầu tham gia giao thông của người khuyết tật phục vụ cho việc xây dựng chiến lược giao thông tiếp cận đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

8. Trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

- a) Trợ giúp người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông.
- b) Duy trì, phát triển, nâng cấp các cổng/trang tin điện tử hỗ trợ người khuyết tật.
- c) Phát triển các công cụ, sản xuất tài liệu phục vụ đào tạo người khuyết tật tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; phát triển các hệ thống, giải pháp giáo dục, đào tạo trực tuyến dành cho người khuyết tật bao gồm giáo dục văn hóa phổ thông các cấp và đào tạo nghề.
- d) Nghiên cứu phát triển các công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông; nghiên cứu phát triển các công nghệ hỗ trợ người khuyết tật hòa nhập cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống của người khuyết tật.

9. Trợ giúp pháp lý

- a) Tăng cường thực hiện trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật; phối hợp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh và các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương trong việc cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật.
- b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tăng cường năng lực cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý và những người phối hợp trong trợ giúp pháp lý với người khuyết tật;
- c) Tăng cường, đổi mới truyền thông về trợ giúp pháp lý với hình thức, nội dung phù hợp, dễ tiếp cận đối với người khuyết tật.

10. Hỗ trợ người khuyết tật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch

- a) Hướng dẫn các xã, phường thành lập và phát triển hệ thống câu lạc bộ thể dục, thể thao người khuyết tật.
- b) Phát triển 15 môn thể thao dành cho người khuyết tật tập luyện, thi đấu.
- c) Hình thành môi trường độc thân thiện, đa dạng hóa các dịch vụ và sản phẩm thông tin, thư viện và các điều kiện để hỗ trợ người khuyết tật khai thác, sử dụng thư viện.
- d) Tăng cường ứng dụng công nghệ để người khuyết tật có thể nắm được thông tin về các điểm tham quan du lịch, nhà hàng, khách sạn, phương tiện và mức độ tiếp cận các điểm này với người khuyết tật.
- đ) Tập huấn nghiệp vụ chuyên môn về lĩnh vực thể dục thể thao người khuyết tật cho các đối tượng: Trọng tài, huấn luyện viên, bác sĩ khám phân loại thương tật, hướng dẫn viên, cán bộ hội người khuyết tật; tập huấn đào tạo kỹ năng biểu diễn nghệ thuật dành cho người khuyết tật; tập huấn nghiệp vụ cho các hướng dẫn viên chuyên biệt về kỹ năng, phương pháp hỗ trợ người khuyết tật khi tham gia các hoạt động du lịch. Phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn trực tiếp cho chính những người khuyết tật có năng khiếu, nhiệt

huyết để tạo nguồn hạt nhân xây dựng phong trào văn nghệ, thể thao tự lực tại các câu lạc bộ người khuyết tật cấp cơ sở.

11. Trợ giúp phụ nữ khuyết tật

a) Vận động, thực hiện chính sách liên quan tới phụ nữ khuyết tật (rà soát, đánh giá để đề xuất chính sách; nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu phân tích; truyền thông, giáo dục, vận động nâng cao nhận thức cộng đồng; tăng cường lồng ghép giới trong các chương trình về người khuyết tật; nâng cao năng lực cán bộ Hội các cấp trong hỗ trợ phụ nữ khuyết tật...);

b) Triển khai các hoạt động nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho phụ nữ khuyết tật (nâng cao kiến thức, kỹ năng; phát triển mạng lưới; chia sẻ kinh nghiệm; các hoạt động an sinh xã hội; rà soát, đánh giá các mô hình hiện có và thí điểm một số mô hình/hoạt động mới...); hỗ trợ phụ nữ khuyết tật nâng cao năng lực, kỹ năng số, kỹ năng tham gia xã hội.

c) Tăng cường phối hợp liên ngành trong các hoạt động hỗ trợ phụ nữ khuyết tật.

12. Hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập và hòa nhập cộng đồng

a) Vận động nguồn lực hỗ trợ các trang thiết bị, dụng cụ trợ giúp đối với người khuyết tật: xe lăn, xe lắc, khung tập đi, gậy, máy trợ thính, chân giả, tay giả và các thiết bị cần thiết.

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn phát hiện, sàng lọc, tư vấn sử dụng, bảo quản thiết bị trợ giúp người khuyết tật cho cán bộ trợ giúp người khuyết tật, gia đình và người khuyết tật.

c) Nghiên cứu xây dựng mô hình “cây gậy trắng” chỉ dẫn thông minh đối với người khiếm thị và mô hình sống độc lập và hòa nhập cộng đồng (khảo sát đánh giá nghiên cứu, tập huấn sử dụng cây gậy trắng, tập huấn tiếp cận các chính sách, vận động nguồn lực, kết nối dạy nghề, việc làm, hỗ trợ sinh kế,...)

13. Nâng cao năng lực chăm sóc, hỗ trợ và giám sát, đánh giá

a) Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, tập huấn trong lĩnh vực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật.

b) Tập huấn cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên trợ giúp người khuyết tật; gia đình người khuyết tật về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng cho người khuyết tật; tập huấn các kỹ năng sống cho người khuyết tật.

c) Nghiên cứu kinh nghiệm trợ giúp người khuyết tật của các tỉnh, thành.

d) Nâng cao năng lực công tác thống kê, thực hiện lồng ghép hoặc tổ chức điều tra, khảo sát thống kê chuyên đề về người khuyết tật; xây dựng phần mềm đăng ký và quản lý thông tin về người khuyết tật.

đ) Đánh giá tình hình thực hiện chương trình và các chính sách, pháp luật đối với người khuyết tật.

e) Kiểm tra, hướng dẫn và tổng hợp, định kỳ báo cáo UBND tỉnh; tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Ngân sách nhà nước; các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án liên quan khác để thực hiện các hoạt động của chương trình theo phân cấp của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Đóng góp, hỗ trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo quy định.

3. Các sở, ngành và địa phương lập dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện Chương trình và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai Kế hoạch theo quy định; theo dõi, đôn đốc và tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế **trước ngày 25/11 hằng năm.**

2. Các sở, ban, ngành tỉnh: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; đồng thời, lồng ghép việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về người khuyết tật vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: Cho vay ưu đãi đối với người khuyết tật, phụ nữ/thanh niên khuyết tật khởi nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động khuyết tật theo quy định.

4. UBND các xã, phường và đặc khu: Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động hằng năm về trợ giúp người khuyết tật; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực, lồng ghép kinh phí các chương trình, các đề án có liên quan trên địa bàn để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ tham gia tổ chức triển khai thực hiện Chương trình và phối hợp giám sát, tuyên truyền, vận động nguồn lực xã hội hóa và triển khai các chương trình trợ giúp phụ nữ khuyết tật, thanh niên khuyết tật khởi nghiệp và người khuyết tật sống độc lập.

(Cụ thể có phụ lục kèm theo)

VII. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO: Định kỳ 06 tháng (*trước ngày 10/6*), 01 năm (*trước ngày 20/11*), báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (*qua Sở Y tế*) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp hướng dẫn thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Cục Bảo trợ xã hội;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các Tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: CVP, PCVP, NC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{LMC691}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sâm